

Mẫu số 01/QĐ-CKNS ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính)

TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN
PHÙ HỢP - QUACERT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 153./QĐ -QUACERT

Hà nội, ngày 09 tháng 1 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố tình hình thực hiện công khai dự toán NSNN năm 2020 và tình hình công khai số liệu và thuyết minh thực hiện dự toán NSNN của 12 tháng năm 2020, công khai quyết toán NSNN năm 2019 của Trung tâm Chứng nhận Phù hợp

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố: công khai dự toán NSNN năm 2020

Công khai số liệu và thuyết minh thực hiện dự toán NSNN của 12 tháng năm 2020:

Báo cáo công khai quyết toán NSNN năm 2019

Trung tâm Chứng nhận Phù hợp xin gửi kèm theo công văn các biểu mẫu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các phòng ban liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cơ quan tài chính cùng cấp;
- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu :VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Quân



Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trung tâm Chứng nhận Phù hợp

Chương: 017

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	



		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	1.400
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	1.400
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	1.400
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	



10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)</i>	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)</i>	





Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trung tâm Chứng nhận Phù hợp

Chương: 017

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 12 THÁNG NĂM 2019
Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	thực hiện giải ngân 12 tháng năm 2019	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
1.1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
					
1.2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
					
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
3.1	Lệ phí				
	Lệ phí A				



	Lệ phí B				
					
3.2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
					
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học	7.158	5.995		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>	4.380	3.217		
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.778	2.778		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

HỌC VÀ CÔNG
TRUNG TÂM
CÔNG NHẢY
HỦ HỢP
ĐIỀU LƯU

7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia				
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)</i>				
2	Chi Chương trình mục tiêu				
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)</i>				

Ngày 15 tháng 1 năm 2021
Thủ trưởng đơn vị

